

Bản án số: 76/2023/DS-PT
Ngày: 27-02-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh
Các thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn
Ông Mai Tiến Dũng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang – Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 402/2022/TLPT-DS ngày 18/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân quận BTL5, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2023/QĐ-PT ngày 06/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: NH1 (NH1.1)

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị NH1.1.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh, chức vụ: Phó giám đốc trung tâm Xử lý nợ pháp lý (Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020)

Người được ủy quyền lại: Bà **LTT2** - cán bộ xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 3406/2021/UQ-LCC-TTKHCNNH1.1 ngày 02/12/2021); **Có mặt.**

Địa chỉ liên hệ: Trung tâm XLN Pháp lý NH1.1 - Tầng 7, tòa nhà Việt Hải, số 78 Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà **HTD3**, sinh năm 1956; *Xin vắng mặt.*

Nơi cư trú: Số 51 ngõ 145 CN4, phường CN4 2, quận BTL5, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **NVL6**, sinh năm 1956; *Vắng mặt*.
2. Anh **NTL7**, sinh năm 1987; *Vắng mặt*.
3. Chị **NTKN8**, sinh năm 1989; *Vắng mặt*.
4. Cháu **HTA9**, sinh năm 2005;

Người đại diện hợp pháp của cháu Thùy Anh: Bà **HTD3**, sinh năm 1956;
Cùng cư trú: Số 51 ngõ 145 CN4, phường CN4 2, quận BTL5, thành phố Hà Nội.

5. Cháu **NTS10**, sinh năm 2008;
6. Cháu **NHTT11**, sinh năm 2010.

Do có kháng cáo của bà HTD3 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại các đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2021, ngày 14/12/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn NH1.1 trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 2118375 và Khế ước nhận nợ lần 1/số: 2118375 cùng ngày 07/11/2014 được kí kết giữa NH1.1 và bà HTD3, bà D3 vay của NH1.1 tổng số tiền là 930.000.000 đồng; Thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày 07/11/2014 đến ngày 07/11/2024; Mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình; Lãi suất cho vay 13%/năm được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần; Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/4/2015; Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/năm; Mỗi tháng bên vay trả nợ 01 lần với số tiền 7.750.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh; Kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên là ngày 20/11/2014; Tổng cộng 120 kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với NH1.1 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 24/02/2015 theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ hai bên đã kí kết. Tạm tính đến ngày 13/05/2022, dư nợ của khoản vay nêu trên là: Nợ gốc: 906.750.000 đồng; Nợ lãi: 1.269.635.687 đồng; Phạt chậm trả lãi: 918.640.777 đồng; Tổng cộng: 3.095.026.465 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của NH1.1:

- Đề nghị Tòa án buộc bà HTD3 phải thanh toán cho NH1.1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 12/5/2022 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà D3 thực tế thanh toán hết nợ cho NH1.1.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà bà D3 không trả nợ đầy đủ cho NH1.1, NH1.1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành

án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho NH1.1, cụ thể là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 356, tờ bản đồ số 54, thuộc phường CN4 2, quận BTL5, thành Phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 505687, sổ vào sổ cấp GCN: H1831 Số QĐ:1997/QĐ-UB do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, cấp ngày 08/08/2006 đứng tên bà HTD3 (Theo Hợp đồng thế chấp số 4304/2014, quyền số 03 - 2014 ngày 06/11/2014 được kí kết giữa NH1.1 và bà D3 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô).

- Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho NH1.1, NH1.1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà D3 để thu hồi nợ cho NH1.1.

Bị đơn bà HTD3 trình bày:

Bà đã vay của NH1.1 tổng số tiền 930.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2118375 ngày 07/11/2014 và thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 356, tờ bản đồ số 54, thuộc phường CN4 2, quận BTL5, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 505687, sổ vào sổ cấp GCN: H1831 Số QĐ:1997/QĐ-UB do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, cấp ngày 08/08/2006 đứng tên bà D3. Sau khi vay tiền của Ngân hàng, bà dùng tiền để kinh doanh nhưng việc kinh doanh không được thuận lợi, thêm vào đó là tình hình dịch bệnh Covid nên bà chưa trả tiền đúng hạn được cho Ngân hàng. Hiện tại, trên nhà đất bà đã thế chấp có 7 người đang ở gồm: Ông NVL6, sinh năm 1956 (chung sống với bà D3 như vợ chồng từ năm 1986), anh NTL7, sinh năm 1987 (con trai bà D3), chị NTKN8, sinh năm 1989 (con dâu bà D3), cháu HTA9, sinh năm 2005 (con gái bà D3), cháu NTS10, sinh năm 2008 và cháu NHTT11, sinh năm 2011 (là các con anh L7 và chị N8).

Tại phiên hòa giải ngày 16/03/2022, bà D3 đề xuất sẽ trả toàn bộ số nợ gốc là 906.750.000 đồng và đề nghị được miễn lãi. Bà và gia đình sẽ thu xếp để trả tiền thành hai lần: Lần 1: Trả trước 500.000.000 đồng; Lần 2: Trả 406.750.000 đồng, thời gian trả cụ thể bà D3 sẽ bàn lại với gia đình sau. Tuy nhiên, các bên không thống nhất được phương án trả nợ.

Trước khi mở phiên tòa, bà D3 đã có đơn xin miễn khoản tiền phạt chậm trả lãi gửi Tòa án và NH1.1 (Đơn xin miễn phạt đề ngày 02/7/2022).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

+ Ông NVL6, tại văn bản đề ngày 29/3/2022 gửi Tòa án trình bày:

Ông chung sống với bà D3 như vợ chồng từ năm 1986 tại số nhà 51, ngõ 145 CN4 thuộc phường CN4 2, quận BTL5, thành phố Hà Nội và có một con chung là NTL7, sinh năm 1987. Năm 2005, ông và bà D3 có xây dựng 01 nhà

3,5 tầng tại địa chỉ trên. Năm 2014, bà D3 đã thế chấp nhà đất này. Ông L6 đề nghị Tòa án đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, đến nơi ông L6 đang sinh sống ở địa chỉ trên để thu thập chứng cứ, lấy lời khai nhưng ông L6 không có mặt tại nơi cư trú cũng như không đến Tòa án theo triệu tập nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông L6.

Ngày 21/7/2022, ông L6 có đơn đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa để thu thập chứng cứ chứng minh ngôi nhà 03 tầng đã thế chấp có công sức đóng góp của ông.

+ *Anh NTL7*: Đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng nhưng đến ngày 21/7/2022, anh L7 mới đến Tòa án làm việc và cung cấp bản tự khai gửi Tòa án với nội dung: Anh không có ý kiến gì về việc vay tiền và thế chấp nhà đất của mẹ anh (bà HTD3) cho NH1.1. Anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình anh trả nợ Ngân hàng. Anh L7 xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết tại Tòa án và ủy quyền cho mẹ anh bà HTD3 nhận giấy tờ, thông báo cho anh.

+ *Chị NTKN8*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng cho chị nhưng chị không đến Tòa làm việc theo triệu tập. Tòa án đến nhà chị đang ở để thu thập chứng cứ, lấy lời khai nhưng chị không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không thu thập được lời khai của chị.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân quận BTL5, thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH1 đối với bà HTD3.
2. Buộc bà HTD3 phải trả cho NH1 tổng số tiền nợ gốc và lãi đến ngày 29/07/2022 là 2.212.043.631 (Hai tỉ, hai trăm mười hai triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm ba mươi một) đồng; Nợ gốc: 906.750.000 đồng; Nợ lãi: 1.305.293.632 đồng theo theo Hợp đồng tín dụng số 2118375 và Khế ước nhận nợ lần 1/số: 2118375 cùng ngày 07/11/2014, được ký kết giữa NH1 và bà HTD3.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà HTD3 không trả số tiền nêu trên cho NH1 thì bà D3 phải chịu lãi suất trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ được ký kết giữa hai bên nêu trên.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của NH1 nếu bà HTD3 không trả được số tiền nêu trên thì NH1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 356, tờ bản đồ số 54, thuộc phường CN4 2, quận BTL5, thành Phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 505687, số vào sổ cấp GCN: H1831 Số QĐ:1997/QĐ-UB do

UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, cấp ngày 08/08/2006 đứng tên bà HTD3.

4. Nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản đảm bảo nêu trên không đủ để thanh toán khoản nợ, bà D3 phải có nghĩa vụ trả nốt số tiền còn thiếu cho NH1.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của NH1 về việc yêu cầu bà D3 thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi cho Ngân hàng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền thi hành án.

Không đồng ý với bản án bà D3 kháng cáo và đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận BTL5 đã tuyên để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn xác nhận ngày 24/02/2023 bà HTD3 đã nộp trả ngân hàng số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm nghìn đồng) và NH1.1 đã tiến hành ưu tiên trừ vào nợ gốc; giải chấp tài sản đảm bảo cho bà D3. Do đó, NH1.1 rút một phần yêu cầu cụ thể:

- Rút yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 356, tờ bản đồ số 54, thuộc phường CN4 2, quận BTL5, thành Phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 505687, số vào sổ cấp GCN: H1831 Số QĐ:1997/QĐ-UB do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, cấp ngày 08/08/2006 đứng tên bà HTD3.

- Rút yêu cầu khởi kiện đối với phần dư nợ là 1.300.000.00 đồng (trong đó nợ gốc là 906.750.000 đồng và nợ lãi 394.000.000 đồng).

- Đối với phần dư nợ còn lại, NH1.1 tiếp tục yêu cầu Tòa án buộc bà HTD3 phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 27/2/2023 là 1.008.502.941 đồng (trong đó 0 đồng nợ gốc, 1.008.502.941 nợ lãi. Bà D3 có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi là 1.008.502.941 đồng và không phát sinh thêm lãi, lãi chậm trả sau thời gian trên theo hợp đồng bà D3 đã ký kết. Trường hợp bà D3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ sẽ phải chịu lãi chậm trả thi hành án theo quy định của pháp luật.

Đồng thời ngân hàng xuất trình Biên bản làm việc ngày 27/02/2023 giữa NH1.1 với bà HTD3 trong đó có nội dung bà D3 xác nhận còn nợ ngân hàng 1.008.502.941 đồng và chịu trách nhiệm trả sau.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân quận BTL5, thành phố Hà

Nội, ghi nhận phía bị đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, xem xét miễn án phí cho bà D3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà HTD3 kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

Đại diện nguyên đơn có mặt; Bị đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn xin miễn giảm án phí vì là người cao tuổi

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên toà không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà D3 đề nghị huỷ toàn bộ bản án.

[2.1]. Về yêu cầu thanh toán nợ gốc của NH1.1 với bà D3:

- Về Hợp đồng tín dụng số 2118375 và Khế ước nhận nợ lần 1/số: 2118375 cùng ngày 07/11/2014, được kí kết giữa NH1.1 và bà HTD3: NH1.1, bà D3 là các cá nhân, pháp nhân có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nên các hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp.

- Theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên, bà D3 vay của NH1.1 số tiền nợ gốc là 930.000.000 đồng, theo bảng kê chi tiết thanh toán hợp đồng và lời khai của nguyên, bị đơn thì bà D3 đã trả được nợ gốc là 23.250.000 đồng, nợ lãi là 26.076.829 đồng còn nợ tiền gốc là 906.750.000 đồng. Xét thấy, bà D3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với NH1.1 từ ngày 24/02/2015, NH1.1 đã nhiều lần làm việc với bà D3 đề nghị bà thanh toán khoản nợ nhưng bà D3 không thực hiện. Bà D3 đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng và vi phạm thỏa thuận thanh toán tại khế ước nhận nợ. Do vậy, NH1.1 khởi kiện yêu cầu bà D3 thanh toán số nợ gốc là 906.750.000 đồng vì bà D3 chưa trả cho NH1.1 là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi của NH1.1 với bà D3:

NH1.1 yêu cầu bà D3 thanh toán số tiền lãi là: 1.305.293.632 đồng, trong đó lãi trong hạn là 11.453.393 đồng và lãi quá hạn là 1.293.840.239 đồng. Xét thấy, thỏa thuận về mức lãi suất áp dụng và lãi suất quá hạn giữa các bên theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 24/02/2015, bà D3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo Hợp đồng số 44371 nên NH1.1 chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn là có căn cứ. Theo đó số tiền lãi theo được tính từ ngày 24/02/2015 đến ngày 29/7/2022 gồm: lãi trong hạn là 11.453.393 đồng và lãi quá hạn là 1.293.840.239 đồng.

Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của NH1.1 là buộc bà D3 thanh toán tiền lãi của các hợp đồng tín dụng nêu trên đã kí kết giữa hai bên.

[2.3]. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thế chấp tài sản của bà D3 với NH1.1

Theo hợp đồng thế chấp giữa các bên, tài sản đảm bảo cho khoản vay của bà D3 tại NH1.1 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 356, tờ bản đồ số 54, thuộc phường CN4 2, quận BTL5, thành Phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 505687, số vào sổ cấp GCN: H1831 Số QĐ:1997/QĐ-UB do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, cấp ngày 08/08/2006 đứng tên bà HTD3 - Tài sản này là tài sản riêng của bà HTD3. Ông L6 khai ông cùng bà D3 dùng tài sản chung vợ chồng để xây dựng nhà trên đất và đề nghị Tòa án xem xét quyền lợi cho ông nhưng ông không xuất trình được chứng cứ gì. Tuy nhiên, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ xác nhận tình trạng hôn nhân của cơ quan có thẩm quyền thì bà D3 tại thời điểm thế chấp chưa đăng kí kết hôn với ai. Việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định nên việc thế chấp này là hợp pháp.

Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của NH1.1 về việc có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bà D3 không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán theo bản án của Tòa án là đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Tại phiên tòa, NH1.1 rút yêu cầu khởi kiện đối với toàn bộ khoản tiền phạt chậm trả lãi. Xét yêu cầu này của NH1.1 là có căn cứ, cần chấp nhận và đình chỉ yêu cầu khởi kiện này.

[2.5]. Về các yêu cầu khác của NH1.1:

NH1.1 đề nghị: Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bà D3 đối với NH1.1. Trường hợp số tiền thu được từ bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bà D3 vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho NH1.1 đến khi trả hết khoản nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng được kí kết giữa các bên nêu trên. Vấn đề này đã được các bên được thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và có căn cứ nên cần chấp nhận.

Từ những nhận định trên HĐXX thấy rằng cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với bà HTD3 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp là hoàn toàn phù hợp với pháp luật nên không chấp kháng

cáo hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 37/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân quận BTL5 của bà HTD3.

Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm ngày 27/02/2023 đại diện theo uỷ quyền của ngân hàng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể:

+ Rút yêu cầu xử lý đối với tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 356, tờ bản đồ số 54, thuộc phường CN4 2, quận BTL5, thành Phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 505687, số vào sổ cấp GCN: H1831 Số QĐ:1997/QĐ-UB do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, cấp ngày 08/08/2006 đứng tên bà HTD3.

+ Rút yêu cầu khởi kiện đối với phần dư nợ là 1.300.000.000 đồng (trong đó nợ gốc là 906.750.000 đồng và nợ lãi 394.000.000 đồng).

Đối với phần dư nợ còn lại, NH1.1 tiếp tục yêu cầu Toà án buộc bà D3 phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 27/02/2023 là 1.008.502.941 đồng (trong đó 0 đồng nợ gốc, 1.008.502.941 đồng nợ lãi). Bà D3 có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi là 1.008.502.941 đồng và không phát sinh thêm lãi, lãi chậm trả sau thời gian trên theo hợp đồng bà D3 đã ký kết. Trường hợp chậm trả số tiền trên thì bà D3 phải chịu khoản tiền lãi theo quy định của Bộ luật dân sự.

Đồng thời đại diện ngân hàng xuất trình Biên bản làm việc ngày 27/02/2023 giữa ngân hàng NH1.1 với bà HTD3 xác nhận nội dung bà D3 đã thực hiện việc nộp số tiền là 1.300.000.000 đồng và giải chấp tài sản đảm bảo, bàn giao tài sản cho bà D3. Ngoài ra, bà D3 xác nhận còn nợ ngân hàng 1.008.502.941 đồng và chịu trách nhiệm trả sau.

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ngân hàng NH1.1, sự thỏa thuận về số tiền còn lại giữa ngân hàng và bà D3 là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên HĐXX sửa bản án và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của NH1.1 theo hướng đã phân tích.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Tại cấp phúc thẩm bà HTD3 có đơn xin miễn án phí vì là người cao tuổi; HĐXX căn cứ vào Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đề nghị này của bà D3, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho bà D3.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 317 đến Điều 323, Điều 463, 466, 468, 470 và các Điều từ 500 đến 503 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà HTD3.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân quận BTL5, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH1 đối với bà HTD3.

2. Buộc bà HTD3 phải trả cho NH1 tổng số tiền nợ lãi đến ngày 29/07/2022 là 1.008.502.941 đồng. Bà D3 có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.008.502.941 đồng và không phát sinh thêm lãi, lãi chậm trả sau thời gian trên theo theo Hợp đồng tín dụng số 2118375 và Khế ước nhận nợ lần 1/số: 2118375 cùng ngày 07/11/2014, được ký kết giữa NH1 và bà HTD3.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người bị thi hành án chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án xong.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của NH1 về việc yêu cầu bà HTD3 thanh toán số tiền phạt chậm trả lãi cho Ngân hàng.

- Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của NH1 về phần dư nợ là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm nghìn đồng chẵn) (trong đó nợ gốc là 906.750.000 đồng và nợ lãi 394.000.000 đồng).

- Đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 356, tờ bản đồ số 54, thuộc phường CN4 2, quận BTL5, thành Phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 505687, sổ vào sổ cấp GCN: H1831 Số QĐ:1997/QĐ-UB do UBND huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, cấp ngày 08/08/2006 đứng tên bà HTD3.

4. Về án phí:

- Bà HTD3 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Bà D3 được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0043300 ngày 18/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận BTL5, thành phố Hà Nội.

- Hoàn trả cho NH1 số tiền 41.300.000 đồng (Bốn mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 00042950 ngày 24/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận BTL5.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án dân sự, và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận BTL5;
- Chi cục THADS quận BTL5;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh